

Chương 1

MỞ ĐẦU

Trên trái đất, tại bán đảo Đông Dương thuộc khu vực Đông Nam Á có một quốc gia là Việt Nam. Đất nước hình chữ S này giáp với Lào, Campuchia, Trung Quốc, biển Đông và vịnh Thái Lan; chung đường biên giới trên biển với Thái Lan qua vịnh Thái Lan và với Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Brunei, Malaysia qua biển Đông.

Việt Nam đất hẹp, người đông. Về đất đai, đứng thứ 68 trên tổng số 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, với diện tích 331.212 km², đường biên giới trên đất liền dài 4.639 km, đường bờ biển trải dài 3.260 km. Về dân số, đứng thứ 15 trên thế giới với số dân vào năm 2021 khoảng 98 triệu người, có 54 dân tộc, trong đó người Kinh chiếm đa số.

Việt Nam có truyền thống lịch sử lâu đời. Bắt đầu từ nhà nước Văn Lang, tồn tại vào thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên đến năm 258 trước Công nguyên. Vua có hiệu là Hùng Vương, đóng đô tại Bạch Hạc, Phú Thọ. Tiếp đó là Âu Lạc, tồn tại năm 258 - 208 trước Công nguyên. Vua có hiệu là An Dương Vương, đóng đô tại Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Việt Nam bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ trong hơn một thiên niên kỷ. Chế độ quân chủ độc lập được tái lập với vị vua Ngô Quyền (Nhà Ngô, trị vì năm 939 - 944), mở ra một thời kỳ độc lập lâu dài cho Việt Nam, thời kỳ không chỉ giành chiến thắng trước các cuộc chiến tranh xâm lược từ phương Bắc, mà lãnh thổ còn được mở rộng về phía Nam.

Sau nhà Ngô, lần lượt là các triều đại phong kiến: Triều Đinh, quốc hiệu Đại Cồ Việt, tồn tại năm 968 - 980, kinh đô là Hoa Lư,

Ninh Bình; Triều Tiền Lê, quốc hiệu Đại Cồ Việt, tồn tại năm 980 - 1009, kinh đô Hoa Lư, Ninh Bình; Triều Lý, quốc hiệu Đại Việt, tồn tại năm 1009 - 1225, dời đô đến Thăng Long, Hà Nội; Triều Trần, quốc hiệu Đại Việt, tồn tại năm 1225 - 1400, kinh đô Thăng Long; Nhà Hậu Lê, quốc hiệu Đại Việt, tồn tại năm 1428 - 1789, kinh đô Thăng Long. Nhà Nguyễn, tồn tại năm 1802 - 1945 với quốc hiệu Đại Việt (từ năm 1802 - 1804), Việt Nam (1804 - 1839) và Đại Nam (1839 - 1945), kinh đô Phú Xuân, Huế.

Giữa các triều đại chính kể trên còn có một số vương triều tồn tại trong một thời gian ngắn, như: Nhà Hồ, quốc hiệu Đại Ngu, tồn tại năm 1400 - 1407, kinh đô là Tây Đô hay thành nhà Hồ, Thanh Hóa; Nhà Mạc, quốc hiệu Đại Việt, tồn tại năm 1527 - 1677, kinh đô là Thăng Long (1527 - 1529) và Bản Phủ, Cao Bằng (1529 - 1677). Nhà Tây Sơn, quốc hiệu Đại Việt, tồn tại năm 1778-1802 với kinh đô là Quy Nhơn (1778 - 1788), Phú Xuân, Huế (1788 - 1802) và Phượng Hoàng Trung Đô, Nghệ An (1788 - 1802).

Năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được thành lập. Thủ đô là thành phố Hà Nội. Quốc kỳ: Cờ đỏ sao vàng năm cánh. Tiêu ngữ: “*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*”. Quốc ca: “*Tiến quân ca*”.

Việt Nam có 3 tác phẩm văn học nổi tiếng: Bình Ngô đại cáo bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi (năm 1380 - 1442); Truyện Kiều bằng chữ Nôm của Nguyễn Du (năm 1766 - 1820); Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945 của Hồ Chí Minh (năm 1890 - 1969). Cả ba tác giả của ba tác phẩm trên đều được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc - UNESCO tôn vinh là Danh nhân văn hóa thế giới.

Việt Nam có 8 công trình được UNESCO tôn vinh là Di sản thế giới: Quần thể di tích Cố đô Huế; Vịnh Hạ Long; Phố cổ Hội An; Khu thánh địa Mỹ Sơn; Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ

Bàng; Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long; Thành nhà Hồ; Quần thể danh thắng Tràng An.

Việt Nam có tới 13 Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận, đó là: Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Hội Gióng; Hát xoan Phú Thọ; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; Đờn ca tài tử Nam Bộ; Dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh; Nghi lễ và Trò chơi kéo co; Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của Người Việt; Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ; Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái. Ngoài ra, Việt Nam còn có 3 Di sản tư liệu thế giới do Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO công nhận: Mộc bản triều Nguyễn; Bia tiến sĩ Văn Miếu Thăng Long; Châu bản triều Nguyễn.

Mỗi quốc gia có mỗi trang phục truyền thống, thể hiện bản sắc riêng. Việt Nam có áo dài, được cho là cách tân từ áo ngũ thân lập lĩnh, gồm 5 phần: Thân áo được ghép bởi 5 mảnh vải; Nút áo gồm 5 nút; Lót áo lót bên trong; Cổ áo dựng ôm khít vào cổ và Tay áo, khi trải phẳng ra nằm cùng một đường thẳng với vai áo. Trang phục áo dài hiện rất nổi tiếng, thể hiện vẻ đẹp thanh lịch của người phụ nữ Việt Nam.

Mỗi quốc gia có mỗi kiểu ẩm thực. Người Việt coi trọng ẩm thực hay ăn uống. Nhiều từ và thành ngữ tiếng Việt sử dụng chữ "ăn" kết hợp, như: ăn mặc, ăn nói, ăn nằm, ăn chơi, ăn gian... Trong văn hóa Việt Nam, ẩm thực là một nghệ thuật, không chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người mà còn có mối quan hệ mật thiết đến lối sống, truyền thống, thể hiện qua dụng cụ dùng trong bữa ăn, cách ứng xử với mọi người trong khi ăn. Ẩm thực Việt Nam rất phong phú và đa dạng theo từng bữa ăn, theo món ăn thông dụng, theo đồ uống và theo từng vùng miền. Ẩm thực đặc sắc Việt Nam được cho là sự kết hợp 5 yếu tố cay, chua, đắng, mặn và ngọt, làm từ nguyên liệu tươi và tự nhiên của mỗi vùng miền.

Người Việt có nhiều lễ hội, lễ hội địa phương và lễ hội quốc gia. Song có chung một lễ hội chính là ngày Tết Nguyên đán, đón năm mới theo Âm lịch.

Trong thế kỷ XXI, dù cố gắng vớt vát tình trạng trọng nam khinh nữ, đàn ông Việt ngày càng phải chấp nhận sự vượt trội của phụ nữ Việt trên các lĩnh vực. Phụ nữ Việt luôn tràn đầy tình thương yêu, một phẩm cách cốt lõi trong thời đại mới, thời đại của sự kết nối văn hóa thay thế đấu tranh và sức mạnh cơ bắp bị thay thế bởi người máy. Phụ nữ Việt có vẻ đẹp tự nhiên cao quý và sự tự tin thần bí, có đủ sự thông minh cho bản thân và sự hy sinh cho gia đình, điều mà giới đàn ông có muốn cũng không làm được. Phụ nữ Việt là biểu hiện tập trung của lương tri, sức mạnh mềm, có khả năng điều phối các nguồn lực và hóa giải những hiểm nguy cho quốc gia mà giới đàn ông luôn hành xử theo kiểu đúng sai không làm được. Phụ nữ Việt là một trong những phụ nữ đẹp nhất trên thế giới. Vị thế vẻ vang của Việt Nam trên trường quốc tế đạt được thông qua chính vai trò của phụ nữ Việt.

Người Việt đa số thực hành tín ngưỡng dân gian hay tín ngưỡng bản địa, thờ cúng tổ tiên, ông bà và các vị thần có công với dân với nước. Nổi bật là tín ngưỡng “*Tứ bất tử*”. Đây là tên gọi chung của bốn vị thánh: Tản Viên Sơn Thánh, Phù Đổng Thiên vương, Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh. Tín ngưỡng này tạo cho người Việt có một tình thương yêu rộng lớn, luôn gắn bó con người với tự nhiên và con người với nhau, đặc biệt khi gia đình, cộng đồng gặp khó khăn và đất nước có họa ngoại xâm. Người Việt di truyền cho con cháu ưa thích sự chăm chỉ, tiết kiệm và tính ẩn dụ trong ngôn ngữ của văn học, nghệ thuật. Người Việt ghét sự tàn bạo và ác độc. Ngoài ra, người Việt còn tiếp thu các tôn giáo ngoại nhập và từ đó bổ sung thêm các tính

cách khác như: Chấp nhận tiền định, ứng xử bao dung, tôn trọng trật tự xã hội và quý trọng hiền tài.

Cũng thăng trầm lịch sử như bao quốc gia khác, người dân Việt đã trải qua những thời điểm nghèo khó với nước mắt, đau đớn và dốt nát. Song nước Việt thì luôn phải mạnh, theo ý trời - lòng dân, vì láng giềng của họ là Trung Quốc Đại Hán.

Trong vốn từ hiện đại của người Việt, có một từ mà trong xã hội nhiều người biết song lại ngần không nói ra, đó là “*Kho báu của tiền nhân*”. Một nhóm từ mà chủ yếu lan truyền trong cộng đồng gắn với tính phức tạp, thần bí và tiên tri trong suốt quá trình tích tụ, cất giữ và bảo vệ kho báu. Người Việt tích tụ báu vật và xây dựng công phu kho báu từ đời này sang đời khác. Người Việt bảo vệ kho báu không phải trước người Việt, mà là trước những kẻ đến từ bên ngoài. Những kẻ luôn tự tin rằng đã biết rõ những địa điểm kho báu, có đủ khả năng chế ngự được các vị thần Việt canh giữ kho báu và luôn sẵn sàng chiếm đoạt từng kho báu, vào bất cứ lúc nào, thời điểm nào.

“*Kho báu của tiền nhân*” trở thành niềm tin vào sự có mặt của tiền nhân, cũng như việc cầu cúng ông bà, tổ tiên vậy, tạo cho người Việt có thêm sức mạnh để khắc chế, vượt lên những khó khăn trong cuộc sống và hội nhập với thiên hạ. Song nhiều người Việt cho rằng, việc lan truyền niềm tin vào Kho báu của tiền nhân hiện bị đứt quãng, cần phải sớm khôi phục lại.

*

* *

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội là một trong những trường đại học kỹ thuật hàng đầu tại Việt Nam. Tiền thân là Khoa Xây dựng của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội từ năm 1956. Đến năm 1966 tách ra thành trường riêng. Trường nằm tại đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, phía Bắc là

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, phía Nam là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Đặng Hoàng Quyên đứng trong sân Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Cô từng là sinh viên của nhà trường. Sau khi tốt nghiệp đại học, cô được giữ lại làm cán bộ giảng dạy Bộ môn Lịch sử kiến trúc, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch.

Quyên vừa tốt nghiệp cao học năm trước, hiện đang là nghiên cứu sinh năm thứ nhất.

Chiều thứ bảy hàng tháng, theo lịch hẹn, Quyên gặp và trao đổi với giáo sư hướng dẫn luận án. Sau buổi hẹn, cô thường ngồi chờ bạn trai đến đón và đi chơi đâu đó.

Thời tiết cuối xuân ấm áp. Bầu trời chiều xanh trong, làm nổi bật màu xanh thẫm của các hàng cây. Từng cơn gió thoảng thổi bay những lọn tóc dài trên khuôn mặt đã một thời từng là hoa khôi của trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Tiếng nước róc rách của vòi phun tại bể nước giữa sân trường, tiếng ồn ào từ giảng đường bên cạnh, tiếng tập hát, tập nhảy của sinh viên vào chiều thứ bảy. Tất cả tạo ra cảm giác dễ chịu về một nơi chốn quen thuộc.

*

* *

Quyên ngồi trên hàng ghế đá tại sân trường và nghĩ miên man về luận án.

Cô nhớ lại ngày đầu tiên đến gặp giáo sư để trao đổi về đề tài.

Phòng làm việc của giáo sư cạnh văn phòng Bộ môn Lịch sử Kiến trúc, tại tầng 4, tòa nhà Hiệu bộ của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. Trong phòng đầy sách, tài liệu trên bàn và các tủ ngăn dọc theo tường. Giáo sư dường như ngồi lọt thỏm vào trong khối sách vở đồ sộ đó. Phía sau bàn làm việc, ông dành một khoảng trống trang trọng để đặt bức ký họa về Danh nhân

văn hóa Hồ Chí Minh đang ngồi làm việc tại chiến khu Việt Bắc. Một lần thầy có giải thích, bức tranh do họa sĩ Phan Kế An vẽ. Họa sĩ nổi tiếng vì là người đầu tiên được ký họa chân dung Hồ Chí Minh. Bức tranh do chính con của họa sĩ gửi tặng thầy.

Giáo sư có dáng người cao, gầy gò, khắc khổ và nhanh nhẹn. Mọi người đồn rằng, ông luyện Yoga nên mới có dáng vẻ như vậy. Trang phục của ông giản dị. Giáo sư là người ôn hòa, nói năng chậm rãi, ít khi cười, cương quyết nhưng không làm ai giận. Chỉ khi trình bày, ông mới thể hiện là người sắc sảo trong chuyên môn. Giáo sư là một chuyên gia về di sản văn hóa và dành phần lớn cuộc đời cho lĩnh vực này. Ông thuộc loại người kín đáo. Không biết nhiều về đời tư và thú vui hay khoái lạc của ông. Mọi người còn nói rằng, ông không mang về nhà bất kỳ một thứ giấy khen, bằng khen nào. Song ai cũng phải thừa nhận sự nhiệt tình hết mình của ông trong đào tạo, quan tâm đặc biệt đến tâm thức của sinh viên và luôn khuyến khích sinh viên, học viên làm những việc mang tính đổi mới, sáng tạo và hội nhập.

Giáo sư muốn Quyên có một hướng nghiên cứu mới. Ông khẳng định rằng, tại Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa kiến trúc và kiến trúc sư, giữa tác phẩm và tác giả. Song chưa có nghiên cứu về mối quan hệ giữa kiến trúc và nhà cầm quyền. Thời phong kiến, chỉ có các vị vua hay hoàng đế mới quyết định được việc dành bao nhiêu tiền của, thời gian và nhân lực để xây dựng một công trình tầm quốc gia như Kiến trúc hoàng cung, Kiến trúc lăng mộ, Kiến trúc kho báu... Kiến trúc sư chỉ là trợ lý giúp cho vua việc ra quyết định, tương tự như các vị tướng trong thời chiến tranh.

Ông tổng kết rằng, đối với các vị vua, kiến trúc như con dao hai lưỡi. Việc dành tiền bạc, nhân lực của dân để xây dựng những công trình kỳ vĩ có thể tạo vị thế cho vương triều và để lại những kỳ tích kiến trúc cho con cháu. Song ngược lại, cũng

có thể trở thành vị vua hưởng lạc, xa hoa, khi có giặc ngoại xâm, không lấy đâu nguồn lực để chống trả. Vì vậy đời sau oán trách. Ranh giới đó thật mỏng manh.

Ông nhận định rằng, đây là một đề tài không dễ, phải có cách tiếp cận mới, hình thành cho được một hệ thống tri thức hoàn chỉnh về vấn đề nghiên cứu, từ khái niệm, mục tiêu, phương pháp đến lý luận, qua đó hiểu rõ hơn văn hóa kiến trúc của nước nhà để mà tự hào, mà gìn giữ; cũng như đánh giá công bằng trách nhiệm về kiến trúc mà mỗi vị vua trong mỗi triều đại phải gánh vác.

Ông đứng lên, gỡ kính mắt và chậm rãi nói một cách chắc chắn:

- Thầy tin rằng em sẽ làm tốt được đề tài này. Thầy sẽ dành thời gian cho luận án của em.

Song quả thật, đây là đề tài không hề đơn giản. Quyên tập trung mọi nỗ lực cho luận án, đến mức quên lãng cả những thú vui cũ và bạn bè, mà mọi việc vẫn như chỉ mới bắt đầu. Buổi gặp gỡ hôm nay là buổi gặp thứ ba rồi, công việc vẫn đình trệ, tản mát, chưa tiến triển thêm một chút nào.

*

* *

Bạn của Quyên đã đến, tên là Hoàng Tuấn Anh, trước học ở Đại học Kinh tế Quốc dân, hiện đang làm cho một công ty tư vấn của nước ngoài. Tuấn Anh hơn Quyên hai tuổi, cao ráo, có vẻ ngoài rắn chắc, lịch thiệp và đàng hoàng, song hình thức không thật nổi trội, trang phục đơn giản và lại ít nói.

Nhiều lúc thật sự Quyên cũng không rõ tại sao mình lại gần gũi với chàng trai này, cứ như trời sắp đặt, hay nói một cách văn vẻ là “*Hẹn hò với định mệnh*” vậy.

Hai người gặp nhau tình cờ trong một đám cưới, ngồi ăn cỗ cùng bàn. Trong bàn ăn sáu người, có bốn người là ông bà già.

Vì vậy, đôi trai gái đành phải trò chuyện với nhau. Điểm chú ý đầu tiên, khi cụ bà ngồi cạnh lỗ gạt tay trúng cốc bia của cậu thanh niên. Cốc bia rơi xuống nền nhà lát gạch. Quyên nhìn và tin rằng cốc sẽ vỡ tan. Song thật kỳ lạ, chàng trai nhanh như cắt đưa tay đón lấy, khác với vẻ chậm rãi bên ngoài.

Quyên hỏi và chàng trai trả lời rằng đã học Thiếu Lâm quyền và giải thích rằng, trong võ nghệ, một trong những điều cần học là phản ứng nhanh, việc bắt lấy cốc bia rơi là bình thường.

Về tự tin vào giá trị con người mình của vị thanh niên này khiến Quyên nhớ lại, một lần giáo sư, thầy của Quyên từng nói: Nhiều vị lãnh đạo, sau khi làm nên sự nghiệp, đều đi đến một kết luận: Khởi đầu luôn bắt đầu từ Con người và thành công hay không cũng luôn phụ thuộc vào nhận thức về giá trị Con người và tự do của Con người.

Quyên mở lời:

- Em tên là Quyên, học Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Anh là Tuấn Anh, học Đại học Kinh tế Quốc dân, cạnh trường em.

Câu chuyện trong bữa ăn trở nên cởi mở hơn.

Quyên hỏi:

- Anh có quan tâm về Big Five, tâm thức con người không?
- Có. Mình đã thử đánh giá. Tính cách nổi trội và ổn định là Cân bằng cảm xúc. Tính cách yếu là Sẵn sàng trải nghiệm.

Về tình cảm, thân thiện trong cách nói làm cho Quyên thêm chú ý:

- Anh quê ở đâu?
- Mình ở Nghi Tàm, Tây Hồ.
- Em ở Phố cổ, Hoàn Kiếm.

*

* *

Vậy mà đã thân thiết nhau gần 2 năm rồi.

Trên xe, thấy vẻ mặt Quyên trầm ngâm, Tuấn Anh chò Quyên mở lời trước. Cuối cùng, Quyên cũng lên tiếng:

- Sau khi nghe em trình bày, thầy khuyên: Có lẽ nên bắt đầu luận án bằng nghiên cứu một ví dụ cụ thể. Sau đó, thầy đưa cho em một tập tài liệu về Chùa Một Cột và vua Lý Công Uẩn.

- Chùa Một Cột và vua Lý Công Uẩn đều là cái tên mà ta biết rõ.

- Không phải chỉ là cái tên, mà là bối cảnh, điểm khởi đầu cho một nhận thức tinh tế về mối quan hệ giữa Kiến trúc quốc gia và nhà cầm quyền. Đây là một công trình tiêu biểu và một vị vua tiêu biểu tại thời điểm liên quan đến việc định đô mới tại Thăng Long, mở ra một giai đoạn độc lập lâu dài của người Việt.

Quyên tiếp tục:

- Từ những gợi ý của thầy, em nhận thấy bây giờ ở ta, nhiều nhà lãnh đạo vẫn nghĩ rằng tạo lập công trình kiến trúc, kể cả kiến trúc tầm quốc gia, là việc của kiến trúc sư. Nếu kiến trúc sư của ta yếu kém thì thuê kiến trúc sư nước ngoài. Họ không rõ, đây là trách nhiệm của chính họ và giới hiền tài xung quanh họ trong việc phát huy văn hóa của tiền nhân, chủ động tiếp thu và hạn chế sự lấn át của văn hóa ngoại nhập, hình thành nên giá trị văn hóa mới để truyền lại cho thế hệ tương lai. Kiến trúc sư hay các nhà kỹ thuật chỉ có vai trò trợ giúp cho định hướng của nhà lãnh đạo thành hiện thực.

Quyên dừng lại và nói tiếp:

- Một lần thầy nói: Ngay từ năm 1946, tại Đại hội Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã dạy: *“Văn hóa dẫn đường cho quốc dân đi”*. Các nhà lãnh đạo ngày nay chẳng lẽ chỉ tập trung dẫn dắt xã hội về chính trị và kinh tế mà lại lãnh đạm với văn hóa? Kiến trúc là một biểu hiện tập trung của văn hóa, đặc biệt là kiến trúc tại kinh đô xưa hay thủ đô ngày nay. Kiến trúc quốc gia phải trở thành hình mẫu văn hóa đặc sắc để cả cộng đồng xã hội hướng vào và vận dụng phù hợp theo điều

kiện riêng của mỗi cá nhân. Điều này giới kiến trúc sư không thể làm được và kiến trúc sư nước ngoài càng không làm được. Nếu kiến trúc sư nước ngoài có tham gia, thì họ cũng chỉ bê nguyên mô hình kiến trúc của nước họ, tăng giảm về quy mô cho phù hợp với điều kiện vật chất của ta mà thôi. Họ chỉ có thể giúp ta về yếu tố kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hoặc giúp kết nối mô hình văn hóa của ta với thế giới theo hướng phổ quát.

- Thế là em có thêm việc phải quan tâm ngoài đi phượt rồi.

- Tìm hiểu mối quan hệ giữa Kiến trúc quốc gia và nhà cầm quyền không liên quan đến giải trí. Đối với em, đây thật sự là một cánh cửa rộng, mở ra một vùng đất mà cái gì cũng mới. Ở đây, những kinh nghiệm ở vùng đất cũ hầu như chẳng thể dùng được. Có lẽ chỉ dùng được sự linh cảm.

- Anh là tài xế cho em, vậy là cũng được đến thăm vùng đất mới.

Quyên cười:

- Xin mời đến thăm vùng đất mới. Song khác biệt chủ yếu là ở chỗ: Em thì muốn hòa nhập vào đó. Còn anh, thì chỉ muốn như người quan sát, giống như đi phượt.

Quyên nói tiếp:

- Ta không đến nhà hàng ăn nữa mà đến Chùa Một Cột. Em muốn đến thăm nơi này với một cách tiếp cận mới, liên quan đến việc xác định: Điều gì đã tạo ra mối liên kết giữa kiến trúc và nhà cầm quyền ?

- Cũng trên đường về nhà thôi. Ta đến thăm Chùa Một Cột.